

TÌNH HÌNH CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO Ở HUYỆN CẦN GIỜ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH^(*)

NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT*

Ngoài những chính sách giảm nghèo bền vững chung cả nước, TPHCM đã ban hành và triển khai những chính sách giảm nghèo đặc thù phù hợp thực tiễn của Thành phố và huyện Cần Giờ. Công tác giảm nghèo ở huyện Cần Giờ đã đạt được những kết quả tích cực, như không còn hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia; giảm nhanh số hộ và tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo của Thành phố... Tuy nhiên, hiện công tác này vẫn có một số hạn chế, Cần Giờ vẫn là địa phương có số hộ và tỷ lệ hộ nghèo cao nhất trong các quận, huyện của TPHCM; ngoài thiếu hụt chiều thu nhập, người nghèo ở huyện còn thiếu hụt một số chiều nghèo về dịch vụ xã hội cơ bản như: bảo hiểm xã hội, nhà ở... Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp thúc đẩy công tác giảm nghèo bền vững ở Cần Giờ trong thời gian tới như phát triển hạ tầng giao thông, đặc biệt là dự án xây dựng cầu Cần Giờ; đổi mới tổ chức sản xuất; đào tạo nghề gắn với thực tiễn của địa phương.

Từ khóa: chính sách, giảm nghèo bền vững, vùng ven biển

Nhận bài ngày: 05/10/2023; *đưa vào biên tập:* 06/10/2023; *phản biện:* 09/10/2023; *duyệt đăng:* 11/11/2023

1. DẪN NHẬP

Giảm nghèo bền vững, nâng cao mọi mặt đời sống của người dân vùng ven biển là chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đặt mục tiêu “thu nhập bình quân đầu người của các tỉnh, thành phố ven biển gấp từ 1,2 lần trở lên so với thu nhập bình quân của cả nước. Các đảo có người dân sinh sống có hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đầy đủ, đặc biệt là điện, nước ngọt, thông tin liên lạc, y

tế, giáo dục...” (Ban chấp hành Trung ương, 2018).

Cần Giờ có vị trí đặc biệt quan trọng không chỉ với TPHCM mà cả Vùng Nam Bộ và quốc gia. Nằm cách trung tâm TPHCM khoảng 50km, Cần Giờ tiếp giáp biển Đông với trên 20km bờ biển và có các cửa sông lớn. Tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện là 70.445,34ha và dân số là 74.693 nhân khẩu. Sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản là hoạt động sinh kế chính của người dân. Thu nhập bình quân đầu người từ 15 triệu đồng/người/năm (năm 2010) tăng lên 60 triệu đồng/người/năm (năm 2019) (Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, 2019: 27). Tuy nhiên, Cần Giờ vẫn là huyện nghèo nhất Thành phố so với hộ nghèo và tỷ lệ

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

hộ nghèo của 21 quận, huyện, thành phố thuộc TPHCM.

Bài viết tìm hiểu tình hình giảm nghèo ở huyện Cần Giờ từ năm 2016 đến năm 2021 và đề xuất giải pháp giảm nghèo bền vững ở Cần Giờ trong thời gian tới. Tư liệu của bài viết được thu thập từ các cuộc khảo sát điền dã dân tộc học ở huyện Cần Giờ vào tháng 6 và tháng 11/2022 với các phương pháp nghiên cứu cụ thể gồm quan sát tham dự, phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm (cán bộ và người dân). Ngoài ra, bài viết còn sử dụng số liệu từ các báo cáo của địa phương và kế thừa kết quả một số công trình.

2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. Khái niệm và phương pháp đo lường nghèo

- Khái niệm nghèo

Có nhiều định nghĩa khác nhau về đói nghèo, song, nhìn chung đều phản ánh khía cạnh không có hoặc ít được hưởng thụ những nhu cầu cơ bản ở mức tối thiểu của con người; mức sống thấp hơn mức sống trung bình của cư dân địa phương; thiếu hoặc không có cơ hội lựa chọn để tham gia vào quá trình phát triển của cộng đồng. Việt Nam thừa nhận định nghĩa chung về đói nghèo của Hội nghị Chống đói nghèo khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, do Ủy ban Kinh tế - Xã hội Châu Á và Thái Bình Dương (ESCAP) tổ chức tháng 9/1993 tại Bangkok, Thái Lan. Theo đó, đói nghèo “là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu này đã được xã hội thừa nhận theo trình độ phát triển kinh

tế - xã hội và phong tục tập quán của địa phương” (Thủ tướng Chính phủ, 2002: 16). Theo khái niệm nêu trên, không có chuẩn nghèo chung cho mọi quốc gia, chuẩn nghèo cao hay thấp phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng quốc gia, thay đổi theo thời gian và không gian.

- Phương pháp đo lường nghèo

Ở Việt Nam, từ năm 2015 trở về trước, sử dụng phương pháp đo lường nghèo đơn chiều dựa vào mức thu nhập hoặc chi tiêu của cư dân. Tuy nhiên, cách tiếp cận này bộc lộ nhiều hạn chế. Từ năm 2016, Việt Nam chuyển đổi phương pháp tiếp cận nghèo từ đơn chiều sang đa chiều, đây là bước ngoặt giúp thay đổi chính sách giảm nghèo của Việt Nam. Chuẩn nghèo đa chiều được xây dựng kết hợp cả chuẩn nghèo về thu nhập và mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản⁽¹⁾.

Ngoài chuẩn nghèo chung của quốc gia, một số tỉnh, thành phố còn ban hành chuẩn nghèo riêng. Đây là cơ sở quan trọng để triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo bền vững sát với thực tiễn địa phương. Đến tháng 7/2023, cả nước có 9 tỉnh, thành phố đã ban hành chuẩn nghèo đa chiều khác/cao hơn với chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, đó là: Hà Nội, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, TPHCM và Tây Ninh.

2.2. Chủ trương, chính sách về giảm nghèo của Việt Nam và Thành phố Hồ Chí Minh

Vấn đề giảm nghèo được nhìn nhận, tiếp cận một cách khá toàn diện từ Đại

hội lần thứ VIII của Đảng. Năm 1996, lần đầu tiên vấn đề xóa đói giảm nghèo được đặt thành Chương trình xóa đói giảm nghèo (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1996: 221). Báo cáo Chính trị Đại hội VIII của Đảng nhấn mạnh, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, không để diễn ra quá chênh lệch về mức sống và trình độ phát triển giữa các vùng, các tầng lớp dân cư (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1996: 92).

Mục tiêu kép “Giảm nghèo bền vững gắn với khuyến khích làm giàu theo pháp luật” bước đầu được đặt ra từ Đại hội VIII và tiếp tục được duy trì, phát triển trong những kỳ Đại hội sau. Trong Văn kiện Đại hội Đảng XIII, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 đề ra nhiệm vụ: “Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, nhất là khu vực đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Đổi mới thực chất cách tiếp cận trong giảm nghèo bằng các chính sách hỗ trợ có điều kiện, giảm hỗ trợ cho không, khơi dậy ý chí chủ động vươn lên tự thoát nghèo; hạn chế bất bình đẳng xã hội. Khuyến khích làm giàu theo pháp luật...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021: 265). Gần đây, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030”.

Năm 1998, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 7 Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có Chương trình xóa đói giảm nghèo, đến nay là Chương trình giảm nghèo bền vững⁽²⁾. Ngoài

Chương trình giảm nghèo bền vững, chính sách giảm nghèo ở Việt Nam, còn có nhóm chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, bao gồm: nhóm chính sách hỗ trợ nâng cao thu nhập (chính sách đào tạo nghề và giải quyết việc làm; chính sách hỗ trợ đất sản xuất; nhóm chính sách về tín dụng ưu đãi...) và nhóm chính sách hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (nhóm chính sách về giáo dục và đào tạo, nhóm chính sách hỗ trợ y tế, nhóm chính sách về nhà ở, chính sách hỗ trợ tiền điện, nhóm chính sách về trợ giúp pháp lý...).

Bên cạnh đó, Chương trình giảm nghèo còn được lồng ghép với nhiều chương trình, dự án để thực hiện mục tiêu giảm nghèo, như: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030... Đến nay, hệ thống chính sách về giảm nghèo ở Việt Nam được ban hành đầy đủ và đồng bộ. Chương trình giảm nghèo bền vững là chương trình đầu tiên trong 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã hoàn thành việc xây dựng, ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn thực hiện ở cấp Trung ương (16 văn bản) (Bích Ngọc, Phạm Thắng, 2023).

TPHCM là địa phương đầu tiên trong cả nước khởi xướng và thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo từ năm 1992. Thành phố đã đưa phong trào xóa đói giảm nghèo thành chương trình hành động và xây dựng chính sách đặc thù của địa phương. Trong 23 năm (1992 - 2015), Chương trình xóa đói giảm nghèo (sau là Chương trình giảm nghèo,

tăng hộ khá) của Thành phố được chia ra làm 4 giai đoạn, với 7 lần nâng chuẩn hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập. Từ năm 2016, theo tiếp cận nghèo đa chiều, TPHCM phê duyệt Chương trình Giảm nghèo bền vững của Thành phố giai đoạn 2016 - 2020⁽³⁾ và giai đoạn 2021 - 2025⁽⁴⁾. Chuẩn nghèo của Thành phố hướng tới mức thu nhập cao hơn mức thu nhập quy định tại chuẩn nghèo của Chính phủ⁽⁵⁾, cụ thể như sau:

- Chuẩn nghèo: từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống (giai đoạn 2016 - 2018); từ 28 triệu đồng/người/năm trở xuống (giai đoạn 2019 - 2020); và từ 36 triệu đồng/người/năm trở xuống (giai đoạn 2021 - 2025).

- Chuẩn cận nghèo: trên 21 đến 28 triệu đồng/người/năm (giai đoạn 2016 - 2018); trên 28 đến 36 triệu đồng/người/năm (giai đoạn 2019 - 2020); và trên 36 đến 46 triệu đồng/người/năm (giai đoạn 2021 - 2025).

Ngoài chính sách giảm nghèo áp dụng chung cho Thành phố, một số chính sách riêng huyện Cần Giờ được Thành phố triển khai, như: Công văn số 3433/UBND-VX ngày 06/7/2013 của Ủy ban nhân dân TPHCM về hỗ trợ tiền ăn trưa cho toàn bộ trẻ em 3, 4, 5 tuổi cư trú và học mẫu giáo bán trú tại xã; hỗ trợ 100% tiền học phí cho học sinh đang cư ngụ tại xã Thạnh An theo học trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học công lập tại TPHCM từ năm học 2013 - 2014 (Ủy ban nhân dân TPHCM, 2013); Công văn số 4881/UBND-VX ngày 23/9/2014 của Ủy ban nhân dân TPHCM về hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi không học bán trú thuộc diện hộ nghèo, diện mồ

côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa hoặc tàn tật, khuyết tật, có khó khăn về kinh tế và trẻ em xã Thạnh An đang học mẫu giáo tại các trường mầm non, mẫu giáo của huyện Cần Giờ với mức 120.000 đồng/em/tháng. Mức chi hỗ trợ này áp dụng từ năm học 2014 - 2015 (Ủy ban nhân dân TPHCM, 2014a)...

3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO Ở HUYỆN CẦN GIỜ (NĂM 2016 - 2021)

3.1. Tình hình triển khai chính sách giảm nghèo bền vững ở Cần Giờ

Triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững của Thành phố, từ nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Quỹ Xóa đói giảm nghèo; Quỹ Quốc gia về việc làm; Quỹ Hỗ trợ học sinh, sinh viên; Quỹ Giải quyết việc làm cho người bị thu hồi đất; Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường..., huyện Cần Giờ đã triển khai thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo như: hỗ trợ vốn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu tư phát triển sản xuất, buôn bán nhỏ; hỗ trợ học phí học 2 buổi, chi phí học tập cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ vượt chuẩn cận nghèo; cấp thẻ bảo hiểm y tế; tặng nhà tình thương; trợ cấp; hỗ trợ tiền điện; hỗ trợ kinh phí mai táng...

Giai đoạn 2016 - 2018, gần 17.800 hộ được vay vốn với tổng số tiền gần 120 tỷ đồng; 100% thành viên hộ nghèo, cận nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế; 8.000 lượt học sinh diện hộ nghèo được hỗ trợ kinh phí học tập; trung bình hàng năm xây mới, sửa chữa 100 căn nhà tình thương cho hộ cận nghèo, hộ nghèo. Trên địa bàn huyện, bình quân có khoảng 4.500 hộ nghèo, cận nghèo

được chăm lo đời sống từ kinh phí của các tổ chức và cá nhân đóng góp thông qua Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, với tổng số tiền hơn 10 tỷ đồng/năm. Có 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận nguồn nước sinh hoạt với mức giá bằng mặt bằng chung của Thành phố. Bên cạnh đó, chính sách dạy nghề, chính sách cho lao động học nghề theo Quyết định 1956 của Chính phủ được triển

khai có hiệu quả trên địa bàn huyện. Bình quân hàng năm huyện đào tạo nghề cho 2.000 lao động, trong đó có hơn 1.000 lao động nghèo, cận nghèo. Trong 3 năm (2016 - 2018), huyện Cần Giờ có 6.317 hộ vượt nghèo (Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, 2019a).

Giai đoạn 2019 - 2021, các chính sách giảm nghèo tiếp tục được triển khai ở huyện Cần Giờ (Bảng 1).

Bảng 1. Tình hình triển khai chính sách giảm nghèo bền vững ở huyện Cần Giờ (2019 - 2021)

Stt	Hoạt động		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Hỗ trợ vay vốn	Số lượt hộ nghèo (hộ)	5.681	5.573	1.799
		Số tiền (tỷ đồng)	129,3	168,25	48,7
2	Hỗ trợ kinh phí mai táng	Số trường hợp (người)	-	-	147
		Số tiền (tỷ đồng)	-	-	1,1
3	Cấp thẻ bảo hiểm y tế	Số lượng (thẻ)	24.288	18.690	10.322
4	Tặng nhà tình thương	Số căn nhà (căn)	78	31	34
		Số tiền (tỷ đồng)	-	2,17	2,38
5	Hỗ trợ học phí, tiền ăn trưa...	Số lượt học sinh (lượt)	1.892	-	8.504
		Số tiền (tỷ đồng)	-	-	2,07
6	Hỗ trợ tiền điện	Số lượt hộ nghèo	14.238	9.491	-
		Số tiền (tỷ đồng)	2,98	1,39	-
7	Trợ cấp hộ nghèo đặc biệt khó khăn	Số lượt hộ nghèo	-	608	-
		Số tiền (tỷ đồng)	-	0,4591	-
8	Đào tạo nghề	Số lao động nghèo (người)	558	152	-
9	Giải quyết việc làm	Số lao động nghèo (người)	1.219	467	-

* Chú thích: dấu - không có số liệu trong các báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện.

Nguồn: Tác giả tổng hợp số liệu từ Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, 2019: 18; 2020: 19; 2022: 27.

Ngoài nguồn ngân sách Nhà nước, nguồn lực xã hội cho giảm nghèo cũng có vai trò quan trọng. Thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Cần Giờ, nguồn lực xã hội đóng góp cho Quỹ Vì người nghèo để hỗ trợ về nhà ở; phương tiện sinh kế; học bổng khuyến

học, khuyến tài; trợ giúp đột xuất... giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn cải thiện đời sống, giảm nghèo bền vững. Giai đoạn 2016 - 2020, huyện Cần Giờ đã nhận được 21,5 tỷ đồng từ nhiều đơn vị như Tổng Công ty Điện lực TPHCM và các

địa phương Quận 1, Quận 4, Quận Phú Nhuận... hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế, học bổng, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương cho hộ nghèo (Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, 2020: 6). Riêng năm 2022, tổng số tiền huy động được là 10,810.650 tỷ đồng, trong đó xây mới 3 căn nhà tình nghĩa (270 triệu đồng); xây mới 20 căn nhà tình thương (1,4 tỷ đồng); sửa chữa chống dột 5 căn nhà (300 triệu đồng); trao tặng 2 phương tiện sinh kế (15 triệu đồng); trao 1.524 suất học bổng Nguyễn Hữu Thọ (3,467 tỷ đồng); tặng 927 suất quà dịp Tết, lễ (khoảng 2,443 tỷ đồng); phụng dưỡng 1 Mẹ Việt Nam anh hùng (36 triệu đồng); phụng dưỡng 1 thương binh nặng (18 triệu đồng); trao tặng 60 xe đạp cho học sinh nghèo năm học 2022 - 2023... (Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, 2023).

Những sự hỗ trợ này đã giúp nhiều hộ nghèo ở Cần Giờ đã vươn lên thoát nghèo, phát triển kinh tế hộ gia đình và đóng góp cho sự phát triển của địa phương.

Hộp 1. Vay vốn phát triển sản xuất thoát nghèo

“Nhà em trước là hộ nghèo. Chồng em mất sớm mình em nuôi con, ba mẹ chồng cũng đã già. Năm 2016, nhờ hướng dẫn của Hội nông dân xã, em vay 5 triệu đồng của Ngân hàng Chính sách xã hội để làm cá khô bán tại các điểm du lịch. Dần dần có nhiều khách, em thuê thêm người xẻ cá và đầu tư dần được 3 tủ đông để trữ cá khô giao cho các mối hàng. Kinh tế gia đình em tốt dần lên, em trả hết nợ, thoát hộ nghèo, tạo việc làm cho mấy chị” (PVS, chị PTNN, ấp Long Thạnh, xã Long Hòa, huyện Cần Giờ).

Thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Thành phố, Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai các chương trình, chính sách giảm nghèo trên địa bàn. Ban Chỉ đạo Chương trình giảm nghèo bền vững huyện Cần Giờ kịp thời điều hành giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách. Chương trình giảm nghèo bền vững có sự phân công cụ thể gắn với nhiệm vụ chuyên môn của các đơn vị và đoàn thể. Ban Giảm nghèo phối hợp cùng với các hội, chi hội, chi tổ hội các xã, thị trấn trong công tác rà soát nắm bắt nhu cầu và nguyện vọng “thoát nghèo” của người dân. Qua đó nâng cao vai trò chủ thể của các ngành, tổ chức chính - trị xã hội và người dân trong công tác chăm lo, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo. Nguồn lực cho giảm nghèo không chỉ từ ngân sách Nhà nước, mà có sự đóng góp của cộng đồng và toàn xã hội.

3.2. Kết quả giảm nghèo ở huyện Cần Giờ

Trong những năm qua, công tác giảm nghèo của huyện Cần Giờ đã đạt được những kết quả tích cực, số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo giảm rõ rệt, cụ thể:

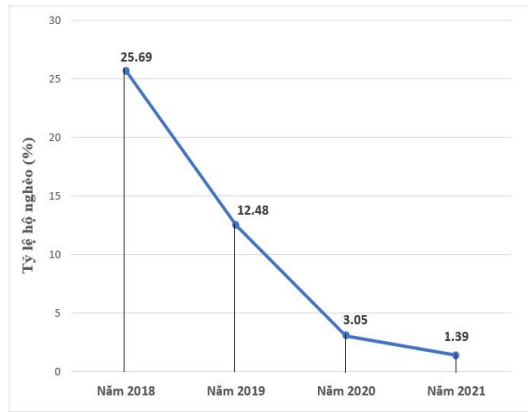
+ Theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 và 2021 - 2025, TPHCM nói chung và huyện Cần Giờ nói riêng không còn hộ nghèo từ năm 2016 và không còn hộ cận nghèo từ năm 2017.

+ Theo chuẩn nghèo đa chiều của TPHCM

- Giai đoạn 2016 - 2018: Hộ nghèo giảm từ 5,64% (năm 2018) còn 0,11% tổng số hộ (năm 2019); và không còn hộ nghèo (năm 2020).

- Giai đoạn 2019 - 2020: Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 25,69% (năm 2018) còn 12,48% (năm 2019); còn 3,05% (năm 2020); còn 1,39% (năm 2021) (Biểu đồ 1).

Biểu đồ 1. Kết quả giảm nghèo ở huyện Cần Giờ năm 2018 - 2021



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ giai đoạn 2018 - 2021.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Hộ nghèo giảm từ 9.021 hộ (tỷ lệ 47,09%, cuối năm 2020), còn 5.733 hộ (tỷ lệ 29,78%, cuối năm 2021). Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo giảm từ 7.727 hộ (cuối năm 2021), còn 6.263 hộ (tỷ lệ 32,54%, tính đến ngày 30/6/2023) (Tùng Nguyên, 2023).

Hộp 2. Một số hoạt động hỗ trợ giảm nghèo bền vững

“So với 10 - 15 năm trước bây giờ Cần Giờ đã thay đổi rất nhiều, cuộc sống của người dân dần tốt lên... Hệ thống đường giao thông được nâng cấp nhựa hóa, bê tông hóa; bà con cũng đã được dùng nước sạch của Thành phố... Ở địa phương, các phong trào giúp nhau giảm nghèo cũng được triển khai, như “nông dân thi đua sản xuất kinh doanh

giỏi, đoàn kết giúp nhau giảm nghèo” của Hội Nông dân; mô hình “người có giúp người khó” của Hội Phụ nữ... Lao động nghèo được giới thiệu việc làm tại các công ty, xí nghiệp, cơ sở sản xuất... và làm thời vụ các công việc tại chỗ như cào nghêu, sò, chế biến hải sản... Để phát triển được sản xuất, sản phẩm làm ra tiêu thụ dễ dàng, việc học tập của con em được thuận lợi, điều mà bà con chúng tôi mong mỏi từ rất lâu đó là sớm xây dựng cây cầu Cần Giờ để thay thế phà Bình Khánh hiện nay” (TLN, người dân, đại diện một số xã, huyện Cần Giờ).

Trong các chỉ số đo lường nghèo về dịch vụ xã hội cơ bản, một số chỉ số đã đạt kết quả tích cực, như: có 100% hộ dân sử dụng nước sạch, lượng nước và nguồn nước cung cấp đảm bảo đầy đủ liên tục, đạt chất lượng hợp vệ sinh; 100% trường học đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, duy trì và giữ vững phổ cập giáo dục các cấp học; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,67%... (Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, 2020: 2).

3.3. Một số vấn đề đặt ra trong giảm nghèo bền vững ở Cần Giờ

Trong những năm qua, mặc dù công tác giảm nghèo ở Cần Giờ đã được triển khai đồng bộ và đạt kết quả tích cực, tuy nhiên, kết quả giảm hộ nghèo chưa thật sự bền vững. Theo Sở Lao động, Thương binh và Xã hội TPHCM, Trong 22 đơn vị hành chính cấp huyện ở TPHCM, Cần Giờ là địa phương có số hộ nghèo cao nhất và tỷ lệ hộ nghèo cao hơn rất nhiều so với các địa phương khác. Số hộ nghèo và hộ cận nghèo ở Cần Giờ chiếm 15,91% tổng

số hộ nghèo và hộ cận nghèo TPHCM. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo huyện Cần Giờ chiếm 32,54%/tổng số hộ (6.263/19.249 hộ) (dẫn theo Tùng Nguyên, 2023).

Trong các chiều đo lường nghèo, hộ nghèo ở Cần Giờ đều thiếu hụt chiều nghèo về thu nhập. Năm 2021, có 5.733 hộ nghèo (tỷ lệ 100% số hộ nghèo) đều có thu nhập từ 36 triệu đồng/người/năm trở xuống và 1.994 hộ cận nghèo (tỷ lệ 100% số hộ cận nghèo) có thu nhập trên 36 triệu đến 46 triệu đồng/người/năm (Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, 2022: 11). Bên cạnh chỉ số về thu nhập, hộ nghèo đa chiều ở Cần Giờ còn thiếu hụt chỉ số về nhà ở, giáo dục - đào tạo, bảo hiểm xã hội...

Nhân lực tham gia các Tổ tự quản giảm nghèo thường có biến động, phần nào ảnh hưởng đến tiến độ chung quá trình rà soát, khảo sát, lập danh sách hộ nghèo. Khả năng tuyên truyền chính sách giảm nghèo của một số thành viên Ban nhân dân ấp, Tổ trưởng còn hạn chế, dẫn đến việc người dân chưa hiểu rõ các tiêu chí đánh giá nghèo theo chuẩn mới, lúng túng khi triển khai (Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, 2022: 10).

Từ tư liệu khảo sát có thể thấy một số nguyên nhân chính dẫn đến sự hạn chế về kết quả giảm nghèo của huyện Cần Giờ:

- Cần Giờ có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội, tuy nhiên, điều kiện phát triển của huyện còn khó khăn, đặc biệt là giao thông. Cầu Cần Giờ kết nối huyện Cần Giờ qua Nhà Bè vào trung tâm Thành phố đến nay chưa được xây dựng.

Hộp 3. Tiềm năng và khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội huyện Cần Giờ

“Nói về tiềm năng phát triển kinh tế của huyện Cần Giờ thì phải nói là thiên thời địa lợi nhân hòa. Tiềm năng kinh tế biển rất lớn. Quy hoạch Cần Giờ phát triển lên Thành phố người dân chúng tôi rất mừng, nhưng phải phát triển hạ tầng giao thông trước để phát triển kinh tế, chứ không lên thành phố làm chi. Người dân chúng tôi kiến nghị Thành phố xúc tiến xây dựng cầu Bình Khánh - Nhà Bè càng sớm càng tốt, mở đầu cho câu chuyện lớn” (TLN trưởng ấp, Đại diện một số ấp ở các xã, huyện Cần Giờ).

- Hoạt động sinh kế của người dân ở Cần Giờ chủ yếu là sản xuất nông nghiệp và đánh bắt thủy hải sản. Tuy nhiên, hiện huyện còn tồn tại nhiều mô hình sản xuất kém hiệu quả và việc ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế⁽⁶⁾, do đó năng suất và chất lượng sản phẩm chưa cao, dễ gặp rủi ro trong điều kiện sản xuất chịu tác động của biến đổi khí hậu, dịch bệnh, biến động giá cả... tác động sâu sắc đến thu nhập của người dân, đặc biệt là người nghèo.

- Phần lớn người lao động trong hộ nghèo, hộ cận nghèo có chuyển biến về nhận thức, tích cực tham gia học nghề, tìm việc làm, tạo thu nhập vươn lên thoát nghèo. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận chưa tích cực, còn tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước và xã hội.

- Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn còn hạn chế, chưa thật sự đáp ứng nhu cầu của xã hội và xu hướng phát triển của huyện.

- Địa phương còn ít các cơ sở sản xuất, kinh doanh thu hút các lao động nghèo tạo việc làm tại chỗ; chưa có nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả, thu hút hộ nghèo đầu tư sản xuất. Doanh nghiệp hoạt động ở các lĩnh vực thương mại, công nghiệp ở huyện có quy mô nhỏ, năm 2021, do dịch bệnh COVID-19 bùng phát, nhiều doanh nghiệp sản xuất phải ngừng hoạt động trong thời gian giãn cách xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc làm và thu nhập của người lao động, nhất là lao động nghèo.

Hộp 4. Tình hình thiếu việc làm

“Đa số hội viên Hội phụ nữ không có ngành nghề, việc làm ổn định. Hàng năm, Hội phụ nữ xã phối hợp với Ủy ban nhân và các trường dạy nghề mở lớp nghề cho hội viên phụ nữ tạo việc làm cho các chị. Tuy nhiên, tình trạng thiếu việc làm của hội viên phụ nữ ngày càng tăng, không có các mặt hàng gia công cho chị em làm. Sau dịch COVID-19 nhiều công ty giảm biên chế, giảm công nhân lớn tuổi. Hội viên phụ nữ, nhất là phụ nữ ở hộ nghèo bị ảnh hưởng về thu nhập, đời sống thêm khó khăn...” (PVS, Trần Thị B, Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Long Hòa, huyện Cần Giờ).

- Giảm nghèo về nhà ở khó khăn do phần lớn hộ nghèo, hộ cận nghèo vướng giấy tờ pháp lý về chứng nhận quyền sử dụng đất (không có đất chính chủ, thổ cư, ở trên đất công, thuê nhà, ở nhờ, không tách thửa...).

- Các hộ nghèo phần lớn là người già, mất sức lao động không có nguồn thu nhập, vì vậy, phương án hỗ trợ thoát nghèo duy nhất là trợ cấp tiền hằng tháng tăng thu nhập bình quân đầu

người, trong khi đó nguồn quỹ vận động có hạn.

- Chính sách hỗ trợ người tham gia công tác giảm nghèo ở địa phương còn thấp; Tổ trưởng Tổ tự quản giảm nghèo chỉ được hỗ trợ 200.000 đồng/người/tháng. Mức hỗ trợ thấp khiến người tham gia gặp khó khăn nên thường xin nghỉ.

4. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

Trong giảm nghèo bền vững, hệ thống chính sách hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo đã được ban hành đồng bộ và toàn diện đáp ứng cơ bản nhu cầu thiết yếu của hộ nghèo, hộ cận nghèo. Ở huyện Cần Giờ, các chương trình, chính sách giảm nghèo đã được triển khai kịp thời, đầy đủ và mang lại nhiều hiệu quả. Tuy nhiên, công tác giảm nghèo ở Cần Giờ vẫn còn một số vấn đề cần giải quyết.

- Thành phố tiếp tục quan tâm đầu tư nâng cấp hạ tầng giao thông kết nối Cần Giờ với các địa phương lân cận, đặc biệt là sớm khởi công và hoàn thành dự án cầu Cần Giờ.

- Tăng cường và đa dạng hình thức tuyên truyền thay đổi nhận thức của một bộ phận người nghèo để họ chủ động, tích cực vươn lên thoát nghèo.

- Đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng liên kết chuỗi giá trị, tăng cường chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ, áp dụng các mô hình nuôi trồng thủy sản tiên tiến để nâng cao hiệu quả sản xuất và giá trị sản phẩm; chú trọng hướng dẫn kỹ thuật hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn để phát triển sản xuất. Nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả.

- Để giảm các chiều thiếu hụt an sinh xã hội, cần tập trung vận động và tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả con em hộ nghèo, hộ cận nghèo trong độ tuổi đi học đủ điều kiện đến trường; tổ chức đào tạo nghề cho thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo trên cơ sở khảo sát nhu cầu học nghề và tư vấn cho người dân, nhất là đối tượng học sinh lựa chọn ngành nghề đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu thực tiễn của địa phương; hỗ trợ hộ nghèo có đủ điều kiện pháp lý về đất ở để xây dựng nhà tình thương; vận

động thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

- Vận động doanh nghiệp, mạnh thường quân đỡ đầu, hỗ trợ hộ nghèo là người già neo đơn, người tàn tật, bệnh nặng mất sức lao động.

- Địa phương xem xét và cân đối nguồn kinh phí tăng mức hỗ trợ cho tổ trưởng Tổ tự quản giảm nghèo để người dân có điều kiện đồng hành cùng chính quyền trong công tác giảm nghèo. □

CHÚ THÍCH

(*) Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp Bộ năm 2022 - 2023: “Vấn đề xã hội và quản lý phát triển xã hội ở vùng ven biển Nam Bộ” do tác giả là chủ nhiệm, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ là chủ trì.

(1) Theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc ban hành chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020”, tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản bao gồm 5 dịch vụ (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin), với 10 chỉ số đo lường (tiếp cận các dịch vụ y tế, bảo hiểm y tế, trình độ giáo dục của người lớn, tình trạng đi học của trẻ em, chất lượng nhà ở, diện tích nhà ở bình quân đầu người, nguồn nước sinh hoạt, nhà tiêu hợp vệ sinh, sử dụng dịch vụ viễn thông và tài sản phục vụ tiếp cận thông tin). Theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ “Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025”, tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản, bao gồm 6 dịch vụ (các dịch vụ xã hội ở giai đoạn trước và bổ sung thêm việc làm), với 12 chỉ số đo lường (các chỉ số ở giai đoạn trước và bổ sung thêm 2 chỉ số việc làm và người phụ thuộc trong hộ gia đình).

(2) Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo trong giai đoạn 1998 - 2000” (Quyết định số 133/1998/QĐ-TTg ngày 23/7/1998); “Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001- 2005” (Quyết định số 143/2001/QĐ-TTg ngày 27/9/2001); “Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010” (Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007); “Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012 - 2015” (Quyết định số 1489/QĐ-TT ngày 08/10/2012); “Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020” (Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016); và “Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025” (Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022). Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 có 05 dự án thành phần, bao gồm: 1) Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; 2) Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; 3) Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng; 4) Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững; và 5) Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo.

(3) Theo Quyết định số 3582/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 của Ủy ban nhân dân TPHCM.

(4) Theo Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của Ủy ban nhân dân TPHCM.

(5) Theo Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 Về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020, các tiêu chí được sử dụng đo lường nghèo đa chiều bao gồm: tiêu chí thu nhập và tiêu chí về mức độ thiếu hụt của các dịch vụ xã hội cơ bản. Các dịch vụ xã hội cơ bản có 5 chiều nghèo (giáo dục và đào tạo; y tế; việc làm và bảo hiểm xã hội; điều kiện sống; tiếp cận thông tin), với 11 chỉ số (trình độ giáo dục của người lớn, tình trạng đi học của trẻ em, trình độ nghề, tiếp cận các dịch vụ y tế, bảo hiểm y tế, việc làm, bảo hiểm xã hội, nhà ở, nguồn nước sinh hoạt, sử dụng viễn thông và tài sản phục vụ tiếp cận thông tin).

Theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 Về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân TPHCM Về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020, giai đoạn 2019 - 2020, tiêu chí thu nhập được điều chỉnh và hộ nghèo được phân loại thành 3 nhóm.

Theo Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 23/3/2021 Về quy định chuẩn hộ nghèo đa chiều thành phố giai đoạn 2021 - 2025, bộ tiêu chí nghèo đa chiều Thành phố giai đoạn 2021 - 2025 gồm 5 chiều, với 10 chỉ số thiếu hụt, đó là: 1) Y tế (dinh dưỡng, bảo hiểm y tế); 2) Giáo dục và đào tạo (trình độ giáo dục - đào tạo của người lớn trong độ tuổi từ 16 đến 30 tuổi, tình trạng đi học của trẻ em); 3) Việc làm - bảo hiểm (tiếp cận việc làm, bảo hiểm xã hội); 4) Điều kiện sống (nhà ở, nguồn nước sinh hoạt an toàn); và 5) Thu nhập (thu nhập, người phụ thuộc).

(6) Năm 2021, tổng diện tích thả nuôi thủy sản của huyện Cần Giờ là 4.473ha; trong đó có 69,2% diện tích nuôi ao; chỉ có 1,05% (47,07ha) nuôi thâm canh ứng dụng công nghệ cao. Huyện vẫn còn duy trì 173ha trồng lúa, việc chuyển đổi diện tích trồng lúa chậm do nông dân chưa tìm được mô hình sản xuất hiệu quả và phù hợp với khả năng tài chính... (Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, 2022: 12, 13).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bích Ngọc, Phạm Thắng. 2023. “Sớm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững”. <https://quochoi.vn/hoatdongcuaquochoi/cackhyhopquochoi/quochoikhoaXIII/Pages/danh-sach-ky-hop.aspx?ItemID=79158&CategoryId=0>, truy cập ngày 21/8/2023.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1996. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII – Tập I*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
4. Hà Mai. 2023. “Đột phá Cần Giờ bằng “siêu cảng” tỷ USD: Vì sao sống trên ‘mỏ vàng’ vẫn nghèo?”. <https://thanhnien.vn/vi-sao-song-tren-mo-vang-van-ngheo-185230214235051454.htm>, truy cập ngày 15/8/2023.
5. Hội đồng nhân dân huyện Cần Giờ. 2018. *Nghị quyết Về đánh giá giữa nhiệm kỳ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020 của huyện*, Nghị quyết số 17/NQ-HĐND, Cần Giờ, ngày 19/12/2018.
6. Thủ tướng Chính phủ. 2002. *Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo*, Phê duyệt tại văn bản số 2685/VPCP-QHQT, ngày 21/5/2002, Hà Nội.
7. Tùng Nguyên. 2023. “Nơi trung tâm phồn hoa của TPHCM vẫn tồn tại những “lối nghèo””. <https://dantri.com.vn/an-sinh/noi-trung-tam-phon-hoa-cua-tphcm-van-ton-tai-nhung-loi-ngheo-20230831133933471.htm>, truy cập ngày 04/9/2023.

8. Ủy ban nhân dân TPHCM, 2013, *Công văn về việc Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo và học phí cho sinh viên xã Thạnh An, huyện Cần Giờ*, Công văn số 3433/UBND-VX ngày 06/7/2013.
9. Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ. 2019. *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020*. Báo cáo số 6239/BC-UBND, Cần Giờ, ngày 30/12/2019.
10. Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ. 2020. *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021*. Báo cáo số 6793/BC-UBND, Cần Giờ, ngày 09/12/2020.
11. Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ. 2022. *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2021*. Báo cáo số 315/BC-UBND, Cần Giờ, ngày 20/01/2022.
12. Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ. 2023. “Hội nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện lần thứ 8, nhiệm kỳ 2019 - 2024”. <https://cangio.hochiminhcity.gov.vn/-/hoi-nghi-uy-ban-mat-tran-to-quoc-viet-nam-huyen-lan-thu-8-nhiem-ky-2019-2024>, truy cập ngày 10/5/2023.
13. Ủy ban nhân dân TPHCM. 2014. *Quyết định về Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) huyện Cần Giờ*, Quyết định số 3257/QĐ-UBND, ngày 16/5/2014.
14. Ủy ban nhân dân TPHCM, 2014a, *Công văn về việc hỗ trợ tiền ăn phụ cho trẻ em 3, 4, 5 tuổi không học bán trú tại huyện Cần Giờ*, Công văn số 4881/UBND-VX ngày 23/9/2014.